TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/KDTM-PT
Ngày 21 - 5 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hữu Xuân.

Các Thẩm phán: Ông Phan Trí Dũng;

Bà Trần Thị Nhàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Bà Trần Thị Lý Loan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào các ngày 14 và 21 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 16/2019/TLPT-KDTM ngày 27/3/2019 về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 21/2018/KDTM-ST ngày 28/12/2018 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 15/2019/QĐ-PT ngày 09/4/2019, Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 07/QĐ-TA ngày 22/4/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2019/QĐ-PT ngày 26/4/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP D;

Địa chỉ: Số D1, đường D2, Phường D3, quận D4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông B, sinh năm: 1972; chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Bình Dương;

Địa chỉ liên hệ: Số B1, đường B2, Phường B3, Quận B4, Thành phố Hồ Chí Minh. (Là đại diện ủy quyền theo Quyết định ủy quyền số 2152/QĐ-DAB-PC ngày 30/11/2016).

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ gỗ C;

Địa chỉ: Đường C1, khu phố C2, phường C3, thị xã A, tỉnh Bình Dương.

- Người đại diện hợp pháp: Ông E – Chức vụ: Chuyên viên pháp chế công ty, địa chỉ liên hệ: Đường C1, khu phố C2, phường C3, thị xã A, tỉnh Bình Dương (là đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 26/3/2018).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Bảo vệ F;

Địa chỉ: Thửa đất số F1, tờ bản đồ số F2, tổ F3, khu phố F4, phường F5, thành phố F6, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông F7, chức vụ: Giám đốc công ty.

4. Người kháng cáo: Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ gỗ C.

5. Viện Kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 12 năm 2016, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện hợp pháp của nguyên đơn - ông B trình bày như sau:

Ngân hàng TMCP D – Chi nhánh Bình Dương (viết tắt Ngân hàng D) đã cấp hạn mức tín dụng Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ gỗ C (viết tắt Công ty C) số tiền: 125.440.000.000 đồng theo Hợp đồng vay số H0255/1HM ngày 27/01/2016, H0256/1HM ngày 28/01/2016, H0258/1HM ngày 29/01/2016 và H0286/1HM ngày 23/03/2016, chi tiết bao gồm những khoản như sau:

STT	Số hợp đồng	Ngày vay	Ngày đến hạn	Lãi suất	Số tiền vay ĐVT: đồng	Mục đích vay
1	H0255/1HM	27/01/2016	27/07/2016	8,5%	59.270.000.000	Bổ sung vốn kinh doanh
2	H0256/1HM	28/01/2016	28/07/2016	8,5%	50.430.000.000	Bổ sung vốn kinh doanh
3	H0258/1HM	29/01/2016	29/07/2016	8,5%	11.700.000.000	Bổ sung vốn kinh doanh
4	H0286/1HM	23/03/2016	23/09/2016	8,5%	4.040.000.000	Bổ sung vốn kinh doanh
Tổng cộng					125.440.000.000	

Biện pháp đảm bảo cho khoản vay:

Công ty C đã cầm cố cho Ngân hàng D hàng hóa theo Hợp đồng cầm cố động sản số H0367/1CC ngày 25/6/2015.

Ngân hàng D đã hoàn tất thủ tục cầm cố và đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định. Với trị giá cầm cố là 216.776.869.656 đồng, mức đảm bảo dư nợ tối đa là 163.618.000.000 đồng.

Ngày 26/10/2015, Ngân hàng D, Công ty C và Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Bảo vệ F (viết tắt Công ty F) thực hiện đo đạc chi tiết và đánh giá lại chất lượng hàng hóa. Ba bên chốt số liệu chi tiết hàng cầm cố như sau:

STT	Tên hàng hóa cầm cố	ĐVT	Số lượng (m^3)	Đơn giá (đồng)	Trị giá (đồng)
1	Gỗ Bạch Đàn xẻ	m^3	6.981,59	5.000.000	34.907.950.000
2	Gỗ Teak xẻ	m^3	5.593,30	18.960.000	106.048.968.000
3	Gỗ Teak ván sàn	m^3	492,11	60.000.000	29.526.600.000
4	Gỗ gõ đỏ hộp phách	m^3	77,00	30.000.000	2.310.000.000
5	Gỗ hương hộp	m^3	11,00	30.000.000	330.000.000
6	Gỗ căm xe lóng loại 2	m^3	120,00	9.500.000	1.140.000.000
7	Hàng thành phẩm (Ván sàn KTC, bàn, Ghế, kính ....) - (Chi tiết tại bảng thống kê thành phẩm)	VNĐ	6.908.640.630		6.908.640.630
8	Gỗ ván ghép	m^3	302,83	8.500.000	2.574.055.000
9	Gỗ ván ép	m^3	544,18	6.000.000	3.265.080.000
10	Căm xe xẻ	m^3	122,11	15.000.000	1.831.650.000
Tổng cộng					188.842.943.630

Ngày 28/4/2016, Ngân hàng D, Công ty C và Công ty F thực hiện đo đạc chi tiết và đánh giá lại chất lượng hàng hóa. Ba bên chốt số liệu chi tiết hàng cầm cố như sau:

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Trị giá (đồng)
1	Gỗ bạch đàn xẻ	m^3	6.790,04	5.000.000	33.950.200.000
2	Gỗ teak xẻ	m^3	5.245,16	18.960.000	99.448.233.600
3	Gỗ teak ván sàn	m^3	393,38	60.000.000	23.602.800.000
4	Gỗ gõ đỏ hộp phách	m^3	77,00	30.000.000	2.310.000.000
5	Gỗ hương hộp	m^3	11,00	30.000.000	330.000.000
6	Gỗ căm xe lóng loại 2	m^3	92,74	9.500.000	881.030.000

7	Gỗ thành phẩm (Ván sàn, bàn, Ghế, ...)	VNĐ	5.517.546.700		5.517.546.700
8	Gỗ ván ghép	m^3	234,82	8.500.000	1.995.970.000
9	Gỗ ván ép	m^3	199,12	6.000.000	1.194.720.000
10	Căm xe xẻ	m^3	105,91	15.000.000	1.588.650.000
	Tổng cộng				170.819.150.300

Từ ngày 29/4/2016 đến ngày 22/12/2016, Ngân hàng D giải chấp hàng cầm cố cho Công ty C, trị giá 2.166.878.000 đồng.

Trị giá tài sản cầm cố còn lại đến ngày 22/12/2016 là 168.652.272.300 đồng, chi tiết như sau:

STT	Hợp đồng cầm cố	Tên Tài Sản	Khối lượng và trị giá cầm cố		
			Số lượng cầm cố (m^3)	Đơn giá (đồng)	Trị giá cầm cố (đồng)
1	H0826/1CC	Gỗ bạch đàn xẻ	6.787,09	5.000.000	33.935.450.000
2	H0827/1CC	Gỗ teak xẻ	5.242,86	18.960.000	99.404.625.600
3	H0903/1CC	Gỗ teak ván sàn (Gỗ teak xẻ đã gia công loại B)	57,33	60.000.000	3.439.800.000
4	H0922/1CC	Gỗ teak ván sàn (Gỗ teak xẻ đã gia công loại D)	230,55	60.000.000	13.833.000.000
5	H1163/1CC	Gỗ teak ván sàn (Gỗ teak xẻ đã gia công loại A,B,C,E)	102,00	60.000.000	6.120.000.000
6	H1663/1CC	Gỗ gõ đỏ	77	30.000.000	2.310.000.000
	H1663/1CC	Gỗ hương	11	30.000.000	330.000.000
	H1663/1CC	Căm xe loại lóng loại 2	92,74	9.500.000	881.030.000
7	H1697/1CC	Hàng thành phẩm			1.923.425.250
8	H1711/1CC	Hàng thành phẩm (Ghế Jonaker Bar	2.666	707.000	1.884.862.000

		Stool); ĐVT: cái			
9	H1737/1CC	Hàng Thành phẩm			1.011.159.450
11	H1991/1CC	Thành phẩm (Gương)			446.500.000
11	H2311/1CC	Hàng thành phẩm			190.800.000
12	H2350/1CC	Hàng thành phẩm			60.800.000
13	H1851/1CC	Ván ghép gỗ các loại	152,02	8.500.000	1.292.170.000
14	H2176/1CC	Gỗ Căm xe xẻ	105,91	15.000.000	1.588.650.000
Tổng cộng					168.652.272.300

Chi tiết hàng thành phẩm là:

STT	Mã sản phẩm	Tên hàng cầm cố	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
01	TU-ASLI-CA037ARLN	TV Stand B456-39	Cái	85	1.568.250	133.301.250
02	GHE -IKAI-CH010ARHN	Jonanker Bar Stool	Cái	2.532	707.000	1.790.124.000
03	GHE -IKAI-CH010ARHN	Jonanker Bar Stool	Cái	2.666	707.000	1.884.862.000
04	GIO-EF001A	Ván sàn kỹ thuật cao	M2	1.783,35	567.000	1.011.159.450
05	ORCI-SH010AZGD	MIRROIR BALI ACACIA 1.65-1218575	Cái	383	300.000	114.900.000
06	ORCI-MI132CSGD	MIRROIR BAHIA L900 FSC 1218096	Cái	129	600.000	77.400.000
07	ORCI-MI132BSGD	MIRROIR BAHIA L1300 FSC	Cái	310	820.000	254.200.000

		1218099				
08	Octagonal 1100 Table – 1100 x 1100 x 720	BAN – 0TT0-TA051A DOD	Cái	24	2.000.000	48.000.000
09	Octagonal 1100 Table – 1100 x 1100 x 720	BAN – 0TT0-TA051A XOD	Cái	2	1.700.000	3.400.000
10	Octagonal 1100 Table – 1100 x 1100 x 720	BAN – 0TT0-TA051AS DP	Cái	11	2.200.000	24.200.000
11	Octagonal Folding Table (1200 x 1200x 740)	BAN – 0TT0-TA004A GYC	Cái	48	2.400.000	115.200.000
12	BAN-ASHI-TA090BGDD	Dining Table (DT-30104Q) - 1600 x 900 x 700	Cái	16	3.800.000	60.800.000
Tổng cộng						5.517.546.700

Trong quá trình vay, từ ngày 27/01/2016 đến ngày 21/12/2016, Công ty C chỉ trả được tổng số tiền như sau:

Vốn: 1.147.300.000 đồng.

Lãi trong hạn: 4.660.135.767 đồng.

Tổng cộng: 5.807.435.767 đồng.

Do Công ty C vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên từ ngày 28/07/2016 Ngân hàng D đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 21/12/2016, Công ty C còn nợ các khoản sau:

Vốn: 124.292.700.000 đồng.

Lãi trong hạn: 718.338.332 đồng.

Lãi trong hạn khi quá hạn: 4.270.581.711 đồng.

Lãi phạt quá hạn: 2.135.290.856 đồng.

Tổng cộng: 131.416.910.899 đồng.

Sau khi Ngân hàng D nộp đơn khởi kiện đã thu hồi số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng. Do đó, Ngân hàng D yêu cầu Công ty C có nghĩa vụ trả

tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 28/12/2018 là 162.740.540.864 đồng (bao gồm: Nợ gốc 123.292.700.000 đồng; nợ lãi 39.447.840.864 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 29/12/2018 đến ngày Công ty C thực trả hết nợ cho Ngân hàng D theo lãi suất quá hạn được quy định tại các hợp đồng vay.

Trường hợp Công ty C không trả tiền nợ thì yêu cầu bán đấu giá tài sản bảo đảm của Công ty C để thu hồi nợ cho Ngân hàng D.

Trường hợp tài sản đảm bảo không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty C tại Ngân hàng D thì Công ty C phải tiếp tục thanh toán nợ cho Ngân hàng D.

Công ty C phải chịu mọi chi phí phát sinh.

* Người đại diện hợp pháp của bị đơn – ông E trình bày:

Bị đơn thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng và cầm cố tài sản như nguyên đơn trình bày. Bị đơn thống nhất số nợ gốc và tài sản cầm cố. Đối với tiền lãi nguyên đơn vừa tính lãi trong hạn và vừa tính lãi quá hạn là lãi chồng lãi nên bị đơn không đồng ý số tiền lãi do nguyên đơn yêu cầu. Đối với tài sản bảo đảm theo kết quả kiểm điếm của Công ty TNHH Đầu tư Dịch vụ Thẩm định giá G là có sai sót nên bị đơn không đồng ý và yêu cầu Tòa án kiểm điếm lại tài sản cầm cố. Đối với các hợp đồng cầm cố tại sản do ông H ký bị đơn cho rằng không phải là chữ ký của ông H. Theo kết luận giám định Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương kết luận chữ ký do ông H ký ra là đúng, bị đơn không đồng ý với kết luận giám định nên yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định lại.

* Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Công ty F có ký hợp đồng bảo vệ ba bên với Công ty C và Ngân hàng D. Trong quá trình làm việc tại Công ty C, Công ty F luôn hoàn thành trách nhiệm như đã ký trong hợp đồng.

Trường hợp Công ty C muốn sử dụng tài sản bảo đảm phải có văn bản của Ngân hàng D thì Công ty F mới cho xuất hàng ra khỏi kho.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 21/2018/KDTM-ST ngày 28/12/2018 của Tòa án nhân dân thị xã A đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP D về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ gỗ C.

Buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ gỗ C có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc: 123.292.700.000 đồng.

Lãi tính đến ngày 28/12/2018 là 39.447.840.864 đồng.

Tổng cộng: 162.740.540.864 đồng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ gỗ C tiếp tục thanh toán tiền lãi tính từ ngày 29/12/2018 trên dư nợ gốc thực tế theo lãi suất quá hạn được quy định tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Về xử lý tài sản bảo đảm:

Trường hợp Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ gỗ C không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ không đúng thì tài sản bảo đảm được bán đấu giá theo quy định của pháp luật để thực hiện nghĩa vụ. (Kèm theo danh mục tài sản bảo đảm).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm trả, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 09/01/2019, bị đơn Công ty cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ gỗ C nộp đơn kháng cáo;

Ngày 10/01/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định kháng nghị số 01/QĐKN/VKS-DS.

Kháng cáo, kháng nghị cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên đề nghị hủy toàn bộ bản Bản án sơ thẩm số 21/2018/KDTM-ST ngày 28/12/2018 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương giữ nguyên quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thị xã A. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

- Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm, kể từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Quan điểm về việc giải quyết đối với bản án bị kháng cáo, kháng nghị: Quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã có các vi phạm về tố tụng, cụ thể: Không thực hiện việc kiểm đếm lại tài sản cầm cố khi yêu cầu kiểm đếm lại tài sản cầm cố của bị đơn đã được Chánh án chấp nhận và bị đơn đã nộp tạm ứng chi phí là xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự;

Tòa án nhân dân thị xã A đã ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 42/2018/QĐ-TCGĐ ngày 21/11/2018 để trưng cầu Phân Viện khoa học kỹ thuật hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh giám định lại chữ ký của ông H đã ký trong các hợp đồng tín dụng, hợp đồng cầm cố và Phụ lục cầm cố nhưng khi Phân Viện khoa học kỹ thuật hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh có Công văn số 45-CV/C09B đề nghị Tòa án nhân dân thị xã A điều chỉnh quyết định trưng cầu giám định thì Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện việc khắc phục hồ sơ và chờ kết quả giám định mà mở phiên tòa xét xử là vi phạm tố tụng, xâm phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự;

Bị đơn có đơn phản tố gửi cho Tòa án theo biên bản giao nhận ngày 22/8/2018 của Tòa án nhân dân thị xã A nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý

và cũng không có văn bản thông báo cho đương sự là vi phạm trình tự quy định tại Điều 192, 194 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ gỗ C, Kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thị xã A, hủy Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 21/2018/ KDTM-ST ngày 28/12/2018 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Dương và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến và Kiểm sát viên phát biểu quan điểm; sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã có các vi phạm về tố tụng như sau:

[1.1] Ngày 22/8/2018, bị đơn có đơn phản tố gửi cho Tòa án theo biên bản giao nhận ngày 22/8/2018 của Tòa án nhân dân thị xã A. Xét thấy, bị đơn có yêu cầu phản tố sau khi Tòa án cấp sơ thẩm đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý yêu cầu phản tố là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không có văn bản thông báo cho đương sự là vi phạm trình tự quy định tại Điều 202 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành kiểm đếm lại tài sản khi bị đơn có yêu cầu với lý do bị đơn chậm nộp phí kiểm kê.

Xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, đại diện bị đơn có yêu cầu kiểm đếm lại tài sản cầm cố nhưng Thẩm phán không thực hiện, ngày 04/5/2018, bị đơn khiếu nại về việc không kiểm đếm tài sản cầm cố. Ngày 21/5/2018, Chánh án Tòa án nhân dân thị xã A có Quyết định giải quyết khiếu nại số 14/QĐ-TA chấp nhận khiếu nại. Ngày 04/6/2018, Tòa án nhân dân thị xã A ra thông báo yêu cầu bị đơn nộp tạm ứng chi phí kiểm đếm tài sản (số tiền 350.000.000 đồng) trong thời hạn 05 kể từ ngày nhận được thông báo. Ngày 08/6/2018, Tòa án giao thông báo cho đại diện bị đơn. Ngày 12/6/2018, bị đơn có đơn khiếu nại về việc tạm ứng chi phí Tòa án yêu cầu là quá cao nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không trả lời khiếu nại. Như vậy, mặc dù ngày 22/6/2018, bị đơn mới nộp tạm ứng chi phí (theo biên bản giao nhận ngày 22/6/2018) là trễ theo thông báo mà Tòa án cấp sơ thẩm đã ấn định nhưng nguyên nhân dẫn đến việc bị đơn nộp trễ là do Tòa án cấp sơ thẩm không có văn bản trả lời cho bị đơn khi bị đơn có đơn khiếu nại. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không trả lời đơn khiếu nại của bị đơn là vi phạm Điều 499 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành kiểm đếm lại tài sản khi bị đơn có yêu cầu với lý do bị đơn chậm nộp phí kiểm kê là chưa phù hợp, vi phạm quy định tại Điều 101 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn xác nhận rằng số liệu theo "Thuyết minh kiểm đếm - xác định khối lượng" do Công ty TNHH Đầu tư Dịch vụ Thẩm định giá G thực hiện có sự chênh lệch với số liệu hàng

cầm cố sau khi Ngân hàng D giải chấp. Như vậy, để xác định chính xác số hàng hóa cầm cố hiện còn lại thì phải thực hiện lại việc kiểm đếm mới có cơ sở để giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có yêu cầu giám định lại chữ ký của ông H. Tòa án nhân dân thị xã A đã ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 42/2018/QĐ-TCGĐ ngày 21/11/2018 để trưng cầu Phân Viện khoa học kỹ thuật hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh giám định lại chữ ký của ông H đã ký trong các hợp đồng tín dụng, hợp đồng cầm cố và Phụ lục cầm cố. Ngày 27/12/2018, Phân Viện khoa học kỹ thuật hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh có Công văn số 45-CV/C09B đề nghị Tòa án nhân dân thị xã A điều chỉnh quyết định trưng cầu giám định và kéo dài thời gian giám định (sửa và gửi lại quyết định trưng cầu giám định theo hướng mô tả đúng tài liệu giám định so với thực tế). Cùng ngày 27/12/2018, Tòa án nhân dân thị xã A có Công văn số 586/TA-DS phúc đáp với nội dung đề nghị Phân Viện khoa học kỹ thuật hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh bàn giao lại hồ sơ giám định để khắc phục theo nội dung yêu cầu. Xét thấy, quá trình trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, sau đó Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện việc khắc phục hồ sơ theo đề nghị của Phân Viện khoa học kỹ thuật hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh và chờ kết quả giám định mà tiếp tục mở phiên tòa xét xử vào Ngày 28/12/2018 là vi phạm quy định tại Điều 102 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét các vi phạm của Tòa án cấp phúc thẩm đã phân tích tại mục [1] là nghiêm trọng, không thể khắc phục được tại Tòa án cấp phúc thẩm. Do vậy, cần hủy án sơ thẩm và chuyển hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Do hủy án sơ thẩm nên phần án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm quyết định khi giải quyết lại vụ án. Riêng đối với số tiền 361.900.000 đồng - tạm ứng chi phí tố tụng mà Tòa án nhân dân thị xã A đã chuyển cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thì Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã hoàn trả cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ gỗ C (theo biên bản giao nhận lúc 15 giờ 30 phút ngày 21/5/2019).

[4] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã A;

Đề nghị của Viện Kiểm Sát là hoàn toàn phù hợp.

[5] Án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị hủy nên người kháng cáo không phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3, Điều 308 và khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ gỗ C và kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Dương.

Hủy Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 21/2018/KDTM-ST ngày 28/12/2018 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Dương và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Dương giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ gỗ C không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Bình Dương hoàn trả cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ gỗ C 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0014709 ngày 15/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Bình Dương.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 21/5/2019./.

Các Thẩm phán thành viên **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Phan Trí Dũng **Trần Thị Nhàn** **Thái Thị Hữu Xuân**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, Tòa KT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Thị Hữu Xuân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Nhàn Phan Trí Dũng Thái Thị Hữu Xuân